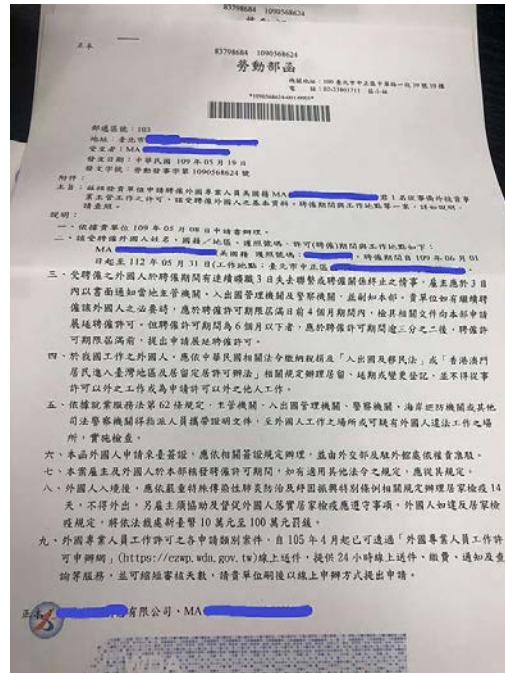
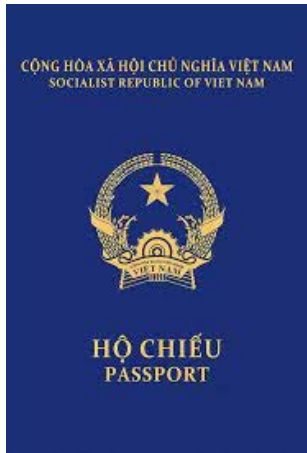


學生自行保管證件證明書
GIẤY CHỨNG NHẬN
SINH VIÊN TỰ BẢO QUẢN GIẤY TỜ



就醫資訊

THÔNG TIN BỆNH VIỆN ĐỂ KHÁM CHỮA BỆNH



為恭紀念醫院

地址：(351)苗栗縣頭份市信義路128號

電話：037-676811總機轉9

人工掛號：037-672311 或 037-676818



衛生福利部苗栗醫院

36054苗栗縣苗栗市為公路747號



傳真

037-263920



語音掛號

037-261920#275

育達科技大學特約醫療院(所)總表
 Danh sách bệnh viện hợp tác với đại học Dục Đạt

地區 Khu vực	診所名稱 Tên bệnh viện	電話 SDT	合約優惠內容 Nội dung ưu tiên hợp tác		
			門診部分 Phí khám bệnh	住院部分 Phí nằm viện	其他 Khác
竹南鎮	大眾醫院	037-551970	掛號費減免80元 Phí khám bệnh giảm 80	病房費9折 (不含健保之部份負擔) Giảm 10%Phí giường bệnh (Không bao gồm phí BHYT chi trả)	自費項目另議 Các khoản tự chi trả khác sẽ thảo luận riêng
	慈祐醫院	037-476589	掛號費減免30元	無	無
	泰安牙醫診所	037-552123	掛號費減免50元	無	自費項目另議
	吳診所	037-474164	掛號費減免50元	無	無
	宏仁診所	037-241119	掛號費減免50元	病房費9折 (限特等及頭等之自付額)	健康檢查9折
	活力診所	037-476017	掛號費減免50元	無	自費部份九折優待
頭份市	科學中醫診所	037-665592	掛號費減免100元	無	無
	保安堂中醫聯合診所	037-670275	掛號費減免50元	無	無
	張內科診所	037-663146	掛號費減免50元	無	無
	常青診所	037-688336	掛號費減免50元	無	無
	承美身心科診所	037-683748	掛號費減免50元	無	無
	林可羽婦產科診所	037-673111	掛號費減免50元	無	無
	為恭醫院	037-676811	掛號費減免50元	病房費9折 (限特等及頭等之自付額)	健康檢查9折
	崇仁醫院	037-663185	掛號費減免50元	病房費9折 (限特等及頭等之自付額)	健康檢查9折
	重光醫院	037-682666	掛號費減免50元	無	無
	林治民牙醫診所	037-267471	掛號費減免50元	無	假牙8折
	奇德中醫診所	037-353399	掛號費減免100元	無	自費項目另議
	仁暉診所	037-322119	掛號費減免50元	無	自費項目另議

苗栗市	楊國君診所	037-330397	掛號費減免50元	無	無
	周博治婦產科診所	037-332288	掛號收費100元	部份折扣	無
	衛生福利部苗栗醫院	037-261920	具重大傷病、福保 低收入、身心障礙、 65歲以上酌免	無	無

學生身體不舒服或生病時尋求幫助的地方

NƠI SINH VIÊN CẦN TÌM HỖ TRỢ KHI CẢM THẤY KHÔNG KHỎE HOẶC BỊ BỆNH

1. 健康中心 PHÒNG Y TẾ

星期一-星期四 Thứ hai đến thứ năm	上午 8:20 到晚上 8:30 Sáng 8:20 đến tối 8:30
星期五 Thứ sáu	上午 8:20-下午 5:10 Sáng 8:20 đến chiều 5:10



2. 宿舍管理室 PHÒNG QUẢN LÝ KTX

星期六-星期日 Thứ bảy chủ nhật	整天 Mở cả ngày
星期一-星期日 Thứ hai đến chủ nhật	白天和晚上都有值班人員 Ban ngày và buổi tối đều có người trực



廣亞學校財團法人育達科技大學
急難紓困金設置管理辦法

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VIỆC THÀNH LẬP
QUỸ CỨU TRỢ KHẨN CẤP
ĐẠI HỌC KHKT DỤC ĐẠT

Điều 2: Điều kiện áp dụng và tiêu chuẩn ban hành như sau:

- 1) Học sinh bị thương do tai nạn và phải nhập viện hơn bảy ngày, niêm yết giá 6000 Đài tệ, nằm viện hơn 10 ngày niêm yết giá 10000 Đài tệ.
- 2) Sinh viên không may tử vong hỗ trợ 10000 Đài tệ.
- 3) Gia đình học sinh phải chịu đựng những thảm họa lớn như gió bão, lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, Tùy vào mức độ của sự mất mát, hỗ trợ từ 5000 đến 10000 Đài tệ.
- 4) Học sinh hoặc phụ huynh học sinh (người giám hộ) bị bệnh nặng, nếu phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về bảo hiểm chấn thương lớn, hỗ trợ 10.000 Đài tệ.
- 5) Cha mẹ học sinh không may tử vong, hỗ trợ 10000 Đài tệ.
- 6) Cả 2 Cha mẹ của học sinh không may tử vong, hỗ trợ 60000 Đài tệ.

學則規定

QUY TẮC HỌC TẬP

Điều 9

- Sinh viên của trường được yêu cầu hoàn thành quá trình đăng ký trong thời gian đăng ký được chỉ định trong mỗi học kỳ. Đối với những người chưa hoàn thành đăng ký trong thời hạn của sinh viên năm nhất và sinh viên chuyển trường sẽ mất tư cách nhập học (ngoại trừ những người đã được nhận vào trường hoặc những người được phép nghỉ vì bệnh và các tai nạn đặc biệt khác). Những sinh viên đang theo học từ kỳ 2 trở lên sẽ được nhận giấy báo thôi học.
- Đối với sinh viên nước ngoài đăng ký nhập học, tân sinh viên cần mua bảo hiểm y tế và chấn thương bắt đầu từ ngày nhập cảnh đến hết sáu tháng. Sinh viên sẽ được kèm theo giấy chứng nhận bảo hiểm có liên quan như bảo hiểm y tế toàn dân và các tài liệu khác được đính kèm để hoàn tất quá trình đăng ký.
- Bảo hiểm và các giấy tờ liên quan nếu do nước ngoài cấp, cần được chứng thực tại văn phòng kinh tế Đài Bắc. Nếu du học sinh không hoàn thành việc đăng ký trong thời hạn, sẽ được xử lý theo quy định đầu tiên.

Điều 35

Sinh viên nhà trường có một trong những trường hợp sau đây sẽ được lệnh đình chỉ học tập:

1. Kể từ ngày đến lớp, nghỉ có phép (không kể ngày nghỉ lễ) và không phép vượt quá một phần ba tổng số giờ học.
2. Không quay lại trường khi việc đình chỉ học tập đã quá hạn.
3. Phải thông qua hội nghị của Ủy ban thường phạt sinh viên khi đưa ra quyết định đình chỉ đối với sinh viên.

Trước khi đưa ra các quyết định trên, nhà trường sẽ thông báo bằng văn bản và chờ ý kiến của đương sự trong một thời hạn nhất định.

0800-789-007

HOTLINE

專線電話

ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN THOẠI
NOMOR TELEPON HOTLINE

WE CARE ABOUT YOU

Inquiry Service for Overseas Students

教育部 關懷你



NISA+

大專校院境外學生輔導人員支援體系



專線電話 (中、英、印、越) Toll free hotline

0800-789-007

in Chinese, English, Indonesian & Vietnamese



諮詢信箱 Inquiry window

www.nisa.moe.gov.tw

警察局 Police Hotline: 110

外交部領事事務局 Visa Inquiry: (02) 2343-2888

勞動部 EZ Work Taiwan: 1955

移民署 Foreigner Hotline: 0800-024-111



外國學生來臺就學辦法

QUY ĐỊNH VỀ SINH VIÊN QUỐC TẾ HỌC TẬP TẠI
ĐÀI LOAN

外國學生來臺就學辦法第4條規定

- Sinh viên quốc tế đăng ký học tập tại Đài Loan chỉ 1 lần theo quy định; nếu sinh viên muốn tiếp tục học tập tại Đài Loan thì hồ sơ nhập học sẽ được áp dụng xử lý tương tự như sinh viên trong nước. Tuy nhiên, điều này không áp dụng cho các trường hợp sau:
 1. Sau khi hoàn thành chương trình học tại cơ sở học tập ban đầu, sinh viên đăng ký học chương trình thạc sỹ hoặc cao hơn, thì trường đại học mà sinh viên đang nộp đơn sẽ xử lý theo quy định của trường.
 2. Sinh viên quốc tế đăng ký học tập tại Đài Loan chương trình cử nhân hoặc thấp hơn, với thời gian lưu trú trong nước dưới 1 năm, nếu thôi học hoặc mất tư cách sinh viên vì bất kỳ lý do nào, sinh viên đó có thể nộp lại hồ sơ để đăng ký học tập tại Đài Loan nhưng giới hạn chỉ được phép nộp 1 lần.
- Những sinh viên quốc tế bị đuổi học hoặc mất tư cách sinh viên với các lý do như hạnh kiểm hoặc kết quả học tập không đạt, vi phạm pháp luật hoặc nội quy nhà trường một cách nghiêm trọng thì không được phép tái đăng ký để học tập tại Đài Loan theo quy định đăng ký nhập học được đề cập ở trên.

(Điều 4 của Quy định về sinh viên quốc tế học tập tại Đài Loan)

外國學生來臺就學辦法第24條 入出國及移民法第31條及36條規定

- Sinh viên quốc tế tạm hoãn hoặc thôi học, nhà trường sẽ thông báo ngay cho Cục lãnh sự Bộ ngoại giao và các cơ quan hoạt động của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ nội vụ nơi trụ sở của trường. Cục quản lý xuất nhập cảnh sẽ hủy giấy phép cư trú và sinh viên phải xuất cảnh trong vòng 10 ngày. (Điều 24 của Quy định về sinh viên quốc tế học tập tại Đài Loan, Điều 31 và 36 của Luật di trú)